TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2024
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Khải
Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2024 , giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1992 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đoàn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn B, xã B1, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Q trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Ngọc Q và ông Đoàn T tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND phường P1, thị xã P2, tỉnh Bình Phước ngày 28/3/2016. Trong đời sống hôn nhân, hai người chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, càng về sau thì phát hiện tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai bên gia đình cũng đã can thiệp nhưng cả hai vẫn không thể hàn gắn được với nhau. Nhận thấy tình cảm hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nay bà Q đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đoàn T.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống, bà Q và ông T có 01 người con chung là cháu Đoàn Ngọc Mẫn N, sinh ngày 07/6/2017.

Hiện cháu đang sống với bà Q. Khi ly hôn, bà Q đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đoàn T trình bày: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đoàn T đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Q.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của bà Q và ông T là cháu Đoàn Ngọc Mẫn N, sinh ngày 07/6/2017 cho bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình "Tranh chấp ly hôn" do nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Q thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn ông Đoàn T có nơi đăng ký thường trú tại Thôn B, xã B1, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng; nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Q và ông T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường P1, thị xã P2, tỉnh Bình Phước ngày 28/3/2016. Xét thấy hôn nhân giữa bà Q và ông T là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả hai đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa bà Q và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ

chồng.

Căn cứ lời khai của bà Q thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không cùng quan điểm sống và hiện tại đã sống ly thân với nhau. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, thể hiện: Hiện nay bà Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống vì mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, bà Q không thể chịu đựng thêm được nữa và vợ chồng đã sống ly thân. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Q và ông T đúng như lời bà Q trình bày.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt văn bản tố tụng cho ông T để triệu tập ông T đến Tòa án để làm việc nhưng ông T không hợp tác nên Tòa án không lấy lời khai của ông T. Việc ông T không đến Tòa án để giải quyết ly hôn theo yêu cầu của Tòa án chứng tỏ ông T không có ý thức hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Q và ông T là trầm trọng, cả bà Q và ông T đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Q.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Trong quá trình chung sống, bà Q và ông T có 01 người con chung là cháu Đoàn Ngọc Mẫn N, sinh ngày 07/6/2017. Hiện cháu đang sống với bà Q.

Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Hiện tại cháu Đoàn Ngọc Mẫn N đang còn nhỏ, đang sống chung với bà Q và bà Q cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Căn cứ Điều 81, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, cần giao cháu Đoàn Ngọc Mẫn N cho bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, do đó yêu cầu của bà Q về phần này được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Ngọc Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia

đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Q.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Ngọc Q được ly hôn với ông Đoàn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc Q và ông Đoàn T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao con chung của bà Q và ông T là cháu Đoàn Ngọc Mẫn N, sinh ngày 07/6/2017 cho bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ khác đối với con chung theo quy định của của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết bà Nguyễn Ngọc Q và ông Đoàn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Q phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011173, ngày 09/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- UBND phường P1,
thị xã P2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bình